

Bản án số: 94/2019/HSST

Ngày: 21-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ

Ông Đoàn Văn Chì

Ông Phạm Văn Thiện

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có: Ông Trịnh Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HS ngày 08/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn D (tên khác: không); sinh ngày 24/5/1985, tại: tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Đội 10B, xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng, Bố đẻ: Lò Văn H (đã chết); mẹ đẻ: Lò Thị A (Đã chết); Bị cáo có vợ Tòng Thị C, sinh năm 1987 và có 01 người con; Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/9/2019, tạm giam từ ngày 23/9/2019 cho đến nay và được trích xuất áp giải đến phiên tòa.

2. Lường Văn T (tên khác: không); sinh năm 1993, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Đội 10B, xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; bố đẻ: Lường Văn L, sinh năm 1969, mẹ đẻ: Lò Thị Đ, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ, con; Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/9/2019 và bị tạm giam từ ngày 23/9/2019, hiện đang bị tạm giam và được trích xuất đến phiên tòa.

-Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn T: Ông Nguyễn Quang Kh - Luật sư, Văn phòng luật sư A1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D: Ông Nguyễn Trần E - Luật sư, Văn phòng luật sư Trần E, thuộc đoàn luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn D quen một người phụ nữ tên P, nhà ở bản Đ, xã F, huyện B từ trước. Ngày 17/9/2019, P gọi điện thoại cho D lên nhà P để nhận tiền và đi sang bản B, xã Y mua ma túy về cho P bán, P hứa trả công 08 triệu đồng. D đã sang nhà P nhận được 45 triệu đồng mang về nhà. Đến sáng ngày 19/9/2019 D rủ Lường Văn T đi mua ma túy, D hứa trả công 01 triệu đồng, T đồng ý. Sau đó D đi xe máy chở T đi đến khu vực bờ suối bản B, xã Y thì dừng lại, D bảo T ngồi trông xe trên đường chờ, một mình D đi xuống bờ suối gặp một người đàn ông Lào đưa cho D một bọc nilon màu đen bên trong có 40 túi Methamphetamine có khối lượng 805,96 gam. D đưa cho người đàn ông Lào 45 triệu đồng. D quay ra đường, đưa cho T cầm bọc ma túy và ngồi sau xe máy, D chở T về. Khi cả hai người về đến khu vực bản N, xã Y, huyện B thì bị tổ công tác của lực lượng Biên phòng và Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng.

Ngoài lần bị bắt quả tang này, Lò Văn D, Lường Văn T còn khai nhận: Cuối tháng 8 năm 2019, Lò Văn D nhận của người phụ nữ tên P 25 triệu đồng đi sang bản B, xã Y mua của người Lào 02 cọc bên trong có 20 túi Methamphetamine đưa cho T cầm ngồi sau xe máy, D chở T về đến nhà. Một mình D đem ma túy giao cho P và được P trả công 04 triệu, D đưa cho T 01 triệu đồng, số tiền này D và T đã chi tiêu hết.

Cơ quan điều tra đã niêm phong vật chứng, ngày 23/9/2019 cơ quan điều tra đã mở niêm phong xác định khối lượng: Các viên nén có ký hiệu WY chứa trong 40 (Bốn mươi) túi nilon có khối lượng 805,96 gam. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã trích 80 mẫu gồm 40 mẫu viên nén màu xanh (mỗi mẫu 02 viên có khối lượng 0,18 gam) 40 mẫu viên nén màu hồng (mỗi mẫu 04 viên có khối lượng 0,36 gam) bằng 240 viên làm mẫu giám định.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định số 87/QĐTCGD-PC04, ngày 23/9/2019 trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định vật chứng thu giữ của Lò Văn D, Lường Văn T có phải chất ma túy không? Là chất ma túy thì loại chất ma túy gì? Khối lượng chất ma túy là bao nhiêu?

Tại Bản kết luận giám định số 930/GĐ-PC09 ngày 01/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- 40 (Bốn mươi) Mẫu viên nén màu hồng và 40 (Bốn mươi) mẫu viên nén màu xanh trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn D, Lường Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn D, Lường Văn T là: 805,96 gam.
- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy; STT: 323, Mục IIC, danh mục II, nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có Công văn số 430/CV-PC04 ngày 10/10/2019 gửi phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên yêu cầu xác định khối lượng ma túy tổng hợp trong một túi có nẹp nhựa cố định kích thước (7 x 6) cm, bên trong túi có chứa các viên nén màu hồng, màu xanh trên một mặt của mỗi viên được dập chìm chữ WY. Khối lượng các viên ma túy tổng hợp trong một túi nilon có đặc điểm trên đã thu giữ trong 9 tháng đầu năm 2019 là bao nhiêu gam.

Tại Công văn số 199/PC09 ngày 21/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên như sau: Khối lượng các viên nén màu hồng, màu xanh trong 01 túi nói trên dao động từ 17,46 đến 18,36 gam. Như vậy hai bị cáo mua bán 02 cộc bên trong có 20 túi được xác định khối lượng là 349,2 gam Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKS-P1, ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định truy tố bị cáo Lò Văn D, Lường Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung trong Bản cáo trạng và quyết định truy tố hai Bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 39/BLHS xử phạt bị cáo Lò Văn D tù Chung thân; xử phạt bị cáo Lường Văn T 20 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo có hoàn cảnh gia đình, kinh tế khó khăn; tịch thu vật chứng là vật cấm để tiêu hủy; buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Những người bào chữa cho các bị cáo nhất trí Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn D, Lường Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251/BLHS và nhất trí theo quan điểm của Kiểm sát viên về mức hình phạt, xử lý vật chứng, về hình phạt bổ sung và án phí đối với từng bị cáo.

Tại phiên tòa hai bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên; không bổ sung lời bào chữa của người bào chữa. Nói lời sau cùng hai bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên tòa công khai sơ thẩm ngày hôm nay hai Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản Cáo

trạng của Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên đã truy tố. Lời khai nhận tội của hai Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang hồi 13 giờ 30 phút ngày 19/9/2019 đối với Lò Văn D, Lường Văn T; Biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng và biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, trích lấy mẫu gửi đi giám định hồi 8 giờ 00 phút ngày 23/9/2019. Hai bị cáo Lò Văn D, Lường Văn T công nhận quá trình bắt giữ, niêm phong vật chứng và mở niêm phong xác định khối lượng, hai Bị cáo đều được chứng kiến và công nhận đúng quy trình quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: *40 Mẫu viên nén màu xanh và 40 mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn D, Lường Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine và khối lượng là: 805,96 gam. Khối lượng ma túy hai Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép vào cuối tháng 8 năm 2019 là 349,2 gam Methamphetamine. Như vậy tổng khối lượng ma túy hai Bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép là 1.155,16 gam Methamphetamine.*

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định rằng: Thời gian từ cuối tháng 8 năm 2019 đến ngày 19 tháng 9 năm 2019, Lò Văn D, Lường Văn T đã 02 (hai) lần mua bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1.155,16 gam. Hành vi của các Bị cáo đã phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2] *Xét về tính chất của vụ án thì thấy:* Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Lò Văn D là người khởi xướng, rủ T đi mua ma túy; hành vi phạm tội của hai Bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9/BLHS. Hành vi phạm tội của hai Bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại nơi xảy ra tội phạm nói riêng và toàn tỉnh Điện Biên nói chung ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội, chính vì vậy mà nhà nước ta đã nghiêm cấm mua bán, trái phép chất ma túy với bất kỳ hình thức nào với số lượng nào cũng đều bị xử lý nghiêm trước pháp luật. Trong vụ án này các Bị cáo là những người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình là trái với luật pháp qui định thể nhưng các Bị cáo vẫn bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ, các Bị cáo đã coi thường luật pháp, coi thường kỷ cương phép nước, bởi vậy Hội đồng xét xử cần phải có một khung hình phạt nghiêm đối với hai bị cáo để các Bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta và mang tính chất phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử thấy: Hai Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; không có điều kiện để thi hành (có biên bản xác minh tài sản). Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 251/BLHS (về phạt bổ sung bằng tiền) đối với hai Bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo thì thấy:

+ Bị cáo Lò Văn D, sinh ra và lớn lên tại xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên, được đi học hết lớp 9/12, lớn lên ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình và năm 2013 kết hôn với Tòng Thị Cương và có 01 người con. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và khai báo về hành vi phạm tội trước đó, như vậy Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51/BLHS, Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và Bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần cân nhắc quyết định hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

+ Bị cáo Lường Văn T, sinh ra và lớn lên tại xã Y, huyện B, tỉnh Điện Biên, được học đến lớp 12/12, sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tự khai ra về hành vi phạm tội trước đó như vậy Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS.

Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện đối tượng người Lào do P trực tiếp gọi điện thoại trao đổi, D chỉ biết đưa tiền và nhận ma túy mang về cho P bán và được trả công nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ. Người phụ nữ tên P trú tại bản Đ, xã F, huyện B là người đã hai lần đưa tiền cho D đi mua ma túy về cho P bán, cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng D không có mặt tại nơi cư trú nên để xác minh làm rõ sau.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung và quyết định đã truy tố bị cáo Lò Văn D, Lường Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội HĐXX áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251/BLHS; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58/BLHS đối với hai bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn D tù Chung thân

Xử phạt bị cáo Lường Văn T 20 (Hai mươi) năm tù; tịch thu gói niêm phong là chất ma túy để tiêu hủy; thu 02 điện thoại di động là phương tiện phạm tội sung quỹ. HĐXX thấy: Về điểm, khoản, tội danh và mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của vụ án, cần được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Luật sư: Hai luật sư bào chữa cho hai Bị cáo công nhận Bản cáo trạng của VKSND tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251/BLHS đối với hai Bị cáo là đúng người, đúng tội và nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt, xử lý vật chứng. HĐXX thấy là phù hợp cần được chấp nhận. Tại phiên tòa quan điểm của Kiểm sát viên và quan điểm của Luật sư có sự đồng thuận và không tranh luận đối đáp.

[7] *Vật chứng*: HĐXX thấy: Cần áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS để xử lý vật chứng. Tịch thu các gói niêm phong là vật cấm (là ma túy) để tiêu hủy. Tịch thu 02 điện thoại di động là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-177.61 thu giữ của Lò Văn D tại bản N, xã Y. Xe đăng kí mang tên Tòng Thị Cương, do chị Cương không biết việc D đem xe đi thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã có Quyết định xử lý vật chứng số 90, ngày 30/10/2019 trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[8] *Về án phí*: Cần căn cứ vào khoản 2 Điều 135; 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] *Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng*: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại hoặc có ý kiến về các quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38; 39 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn D, Lương Văn T phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 39/BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Văn D tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 19/9/2019).

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38/BLHS. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 19/9/2019)

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 /BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- Các viên nén có ký hiệu WY chứa bên trong 40 túi nilon, có tổng khối lượng: 805,96 gam, trích 08 mẫu gửi giám định có tổng khối lượng 21,6 gam, tổng khối lượng còn lại: 784,36 gam Methamphetamine. Thu giữ của Lò Văn D, Lương Văn T.

- 01 (một) chiếc áo mưa choàng màu vàng, đã qua sử dụng.

***Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:**

- 01 (một) chiếc điện thoại màn hình cảm ứng hiệu itel đã cũ. Thu giữ của Lò Văn D.

- 01 (một) chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, hiệu Iphone đã cũ. Thu giữ của Lương Văn T.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 07/11/2019 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo bản án:

Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- (T/báo);
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sùng A Xà